

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT

Ngày: 25/02/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Ứng;

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Hà Ngân và ông Nguyễn Thế Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT-KDTM, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/KDTM-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân [huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* [Ngân hàng TMCP S](#), địa chỉ trụ sở: [Số B đường N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh](#).

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà [Nguyễn Đức Thạch D](#), chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông [Nguyễn Thanh H](#), chức vụ: Giám đốc [ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#).

*Người được ông H ủy quyền lại:* Ông [Nguyễn Thanh HI](#), chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, địa chỉ: [Số C H, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông](#).

- Bị đơn: Ông Vương Tấn P và bà Hồng Phương T, cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà T: Ông Phạm Hoài Q, địa chỉ: Số G A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Do có kháng cáo của ông Vương Tấn P và bà Hồng Phương T là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:***

Ngày 14/3/2023, bị đơn là bà Hồng Phương T và ông Vương Tấn P ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 202326996424 để vay số tiền 3.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 03 tháng đầu là 12,5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm; giải ngân ngày 15/3/2023; trả lãi vào ngày 28 hàng quý tính từ ngày giải ngân; hạn trả gốc ngày 15/3/2024; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh cây cảnh. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bị đơn ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023 (công chứng ngày 14/3/2023), tài sản thế chấp bao gồm: Thửa đất số 315, tờ bản đồ 48, diện tích 754,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 008136 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 26/10/2022 cho bà Nguyễn Thị L và ông Hồng Thanh P1 (cập nhật thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho bà Hồng Phương T ngày 01/3/2023). Từ sau ngày giải ngân, bị đơn đã trả đủ lãi quý 1 số tiền 133.047.945 đồng vào ngày 27/6/2023, quý 2 trả được 39.000.000 đồng vào ngày 14/9/2023, quý 3 trả được 1.025.250 đồng vào ngày 27/12/2023. Tổng số tiền lãi bị đơn đã trả là 173.073.203 đồng và toàn bộ số tiền này do ông P trả. Như vậy, bị đơn bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ quý 2 của khoản vay, ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 11/9/2024, bị đơn còn nợ ngân hàng nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, lãi trong hạn là 488.770.632 đồng; lãi quá hạn 105.830.133 đồng; lãi chậm trả 19.630.954 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 4.314.231.720 đồng. Ngoài ra, ngân hàng yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp ký kết giữa ngân hàng và bị đơn là hợp pháp nên ngân hàng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố là tuyên hợp đồng tín dụng 202326996424 ngày 14/3/2023, hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023 vô hiệu.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết, nguyên đơn rút yêu cầu trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng các nhân số 2583829 ngày 16/3/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng các nhân số 2776477 ngày 15/6/2023.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bị đơn trình bày:***

Bị đơn có ký với ngân hàng hợp đồng tín dụng số 202326996424 ngày 14/3/2023 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023. Bị đơn không đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông P có đơn phản tố yêu cầu tuyên hợp đồng tín dụng 202326996424 ngày 14/3/2023, hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023 vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Trong hai hợp đồng trên thể hiện việc ông P, bà T có thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tài sản thế chấp này là tài sản riêng của bà T do bố mẹ tặng. Sau khi nhận tặng cho thì bà T không có văn bản nhập tài sản riêng này vào khối tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, việc ngân hàng buộc ông P ký vào hợp đồng thế chấp đối với tài sản riêng của bà T là không phù hợp, trái với quy định pháp luật. Vì vậy, ông P yêu cầu tuyên hợp đồng tín dụng 202326996424 ngày 14/3/2023, hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023 vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là ông P không có trách nhiệm trả gốc cho ngân hàng, ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông P số tiền lãi ông P đã đóng là 173.073.203 đồng. Bà T thống nhất ý kiến của ông P.

Đối với việc ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện bà Hồng Phương T trả gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2583829 ngày 16/3/2023 và yêu cầu ông Vương Tấn P trả gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2776477 ngày 15/6/2023 thì ông P, bà T không có ý kiến gì.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 115, 166, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:***

***1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ đối với bà Hồng Phương T và ông Vương Tấn P. Buộc bà Hồng Phương T và ông Vương Tấn P phải trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ số tiền 4.314.231.720đ (Bốn tỷ ba trăm mười bốn triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy***

trăm hai mươi đồng). Trong đó: 3.700.000.000 đồng tiền gốc, 488.770.632 đồng lãi trong hạn, 105.830.133 đồng lãi quá hạn, 19.630.954 đồng lãi chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà [Hồng Phương T](#) về việc yêu cầu trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2583829 ngày 16/3/2023. [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông [Vương Tấn P](#) về việc yêu cầu trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2776477 ngày 15/6/2023. [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/09/2024, bị đơn ông [Vương Tấn P](#) kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng trả bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn bà [Hồng Phương T](#) kháng cáo yêu cầu sửa bản án, xem xét lại số tiền lãi phải trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông [Vương Tấn P](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn bà [Hồng Phương T](#) thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm. Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông [Phạm Văn Q1](#) và bà [Hồng Phương T](#), hủy bản án sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#) đã nộp trong thời hạn trong luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[1.2]. Theo nội dung đơn kháng cáo ban đầu, bà [T](#) chỉ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án đối với số tiền lãi phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm chị [T](#) thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên

căn cứ khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận việc bổ sung kháng cáo của bà T tại phiên tòa phúc thẩm và chỉ xem xét theo nội dung kháng cáo ban đầu đối với số tiền lãi cấp sơ thẩm đã tuyên cho nguyên đơn.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có một số vi phạm thủ tục tố tụng cần nêu ra để rút kinh nghiệm, cụ thể: Việc ban đầu xác định loại vụ án tranh chấp không chính xác dẫn đến vi phạm thời hạn giải quyết; việc ra thông báo nộp số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố và số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng là không đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. *Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp*: Theo nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ thể hiện ngày 14/3/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 202326996424 để vay số tiền 3.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 03 tháng đầu là 12,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi chậm trả bằng 10%/năm; giải ngân ngày 15/3/2023; trả lãi vào ngày 28 hàng quý tính từ ngày giải ngân; hạn trả gốc ngày 15/3/2024, mục đích vay vốn bổ sung kinh doanh cây cảnh. Để đảm bảo các khoản vay, bà Hồng Phương T đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 147/23/TV ngày 08/03/2023 gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu đất và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 008136 do Sở TNMT cấp ngày 26/10/2022 đối với thửa đất số 315, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mang tên bà Nguyễn Thị L và ông Hồng Thanh P1 (cập nhật thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho bà Hồng Phương T ngày 01/3/2023), đồng thời hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Vương Tấn P đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu do trái pháp luật là không có căn cứ chấp nhận. Bởi, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực pháp luật như nhận định tại mục [2.1]. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông P và bà T đều thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay vốn ngân hàng nhằm mục đích kinh doanh phát triển kinh tế gia đình và bà Hồng Phương T là chủ hộ kinh doanh đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 315 là tài sản được tặng cho riêng của mình để thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Xét nội dung kháng cáo của bà Hồng Phương T về số tiền lãi: Bà T cho rằng đã nhiều lần trả lãi cho ngân hàng nhưng không cung cấp được chứng cứ

chứng minh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đã cung cấp và liệt kê lịch sử các lần nộp tiền trả lãi của bị đơn đối với nguyên đơn tổng số tiền là 173.073.203 đồng bị đơn thừa nhận không phản đối gì. Như vậy, bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2023 nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên và buộc bị đơn phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng bao gồm các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả như bản án đã tuyên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Xét với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cho rằng cấp sơ thẩm đã có vi phạm trọng trong thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#); giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

[5]. *Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[7.2]. *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#) phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Áp dụng điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP S](#) – [Chi nhánh Đ](#) đối với bà [Hồng Phương T](#) và ông [Vương Tấn P](#).

1.1. Buộc bà [Hồng Phương T](#) và ông [Vương Tấn P](#) phải trả cho [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) số tiền 4.314.231.720đ (*Bốn tỷ ba trăm mười bốn triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng*). Trong đó: 3.700.000.000 đồng tiền gốc, 488.770.632 đồng lãi trong hạn, 105.830.133 đồng lãi quá hạn, 19.630.954 đồng lãi chậm trả.

- Bà [Hồng Phương T](#) và ông [Vương Tấn P](#) còn phải chịu khoản lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2024 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 202326996424 ngày 14/3/2023 tính trên số dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#).

1.2. Trường hợp Bà [Hồng Phương T](#) và ông [Vương Tấn P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 147/23/TC ngày 08/3/2023 (công chứng ngày 14/3/2023) để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, bà [T](#) ông [P](#) có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#).

- Sau khi Bà [Hồng Phương T](#) và ông [Vương Tấn P](#) trả hết nợ thì [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) có nghĩa vụ trả lại cho bà [T](#) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 008136 do [Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ](#) cấp ngày 26/10/2022 cho bà [Nguyễn Thị L](#) và ông [Hồng Thanh P1](#) (cập nhật thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho bà [Hồng Phương T](#) ngày 01/3/2023).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về chi phí tố tụng: Ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#) phải chịu 1.200.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) đã tạm ứng số tiền này nên ông [P](#), bà [T](#) phải có trách nhiệm thanh toán cho [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) 1.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí:

4.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông [Vương Tấn P](#) và bà [Hồng Phương T](#) phải chịu 112.314.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ](#) 56.377.000 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002527 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp.

- Buộc ông Vương Tấn P phải nộp 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002616 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Ông Vương Tấn P còn phải nộp 2.700.000 (*hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

#### **4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:**

Buộc ông Vương Tấn P và bà Hồng Phương T mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0002991 và 002990 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Ông Vương Tấn P và bà Hồng Phương T mỗi người còn phải nộp 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*)

*“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

#### **7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

##### **Nơi nhân:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk R'Lấp;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện R'Lấp;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Anh Ứng**



